

Đ H, ngày 01 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 132/2021/TLST- DS ngày 08 tháng 7 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần A (Sau đây gọi là A). Địa chỉ: Số 130 Phan Đăng Lưu, phường 3, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh;

+ Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP A.

+ Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tô Minh T – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Kon Tum.(Quyết định ủy quyền thường xuyên số: 760/QĐ-DAB-PC ngày 15/5/2017 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP A)

Địa chỉ: Số 421 Trần Phú, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

+ Người được ủy quyền: Ông Phạm Minh B – Chức vụ: Nhân viên phát triển kinh doanh Ngân hàng TMCP A chi nhánh tỉnh Kon Tum.(Giấy ủy quyền tham gia tố tụng số 02/QĐ-DAB.KT ngày 19/7/2021).

Địa chỉ: Số 421 Trần Phú, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- **Bị đơn:** Ông A B, sinh năm: 1965 và bà Y Y, sinh năm: 1967; Cùng trú tại địa chỉ: Thôn 7, xã Đăk Ui, huyện Đ H, tỉnh Kon Tum.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông A B và bà Y Y phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tính đến hết ngày 24/8/2021 tổng số tiền là : 244.966.445 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu, chín trăm sáu mươi sáu ngàn bốn trăm bốn mươi lăm đồng),

trong đó: Nợ gốc: 205.000.000 đồng (*Hai trăm lẻ năm triệu đồng*); Lãi trong hạn: 12.410.417 đồng (*Mười hai triệu bốn trăm mười ngàn bốn trăm mười bảy đồng*), lãi quá hạn: 27.556.028 đồng (*Hai mươi bảy triệu năm trăm năm mươi sáu ngàn không trăm hai mươi tám đồng*).

Ông A B và bà Y Y tiếp tục trả lãi vay cho ngân hàng theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số N.0345/119 ngày 23/10/2019 kể từ ngày 25/8/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ dư nợ gốc vay.

Trường hợp ông A B và bà Y Y không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận thì phía Ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, theo Hợp đồng thế chấp số: số K.0303/TC19 ngày 23/10/2019 mà ký kết giữa ông A B và bà Y Y với Ngân hàng TMCP A để thu hồi nợ cho Ngân Hàng. Cụ thể:

Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Thôn 1, xã Ngọc Wang, huyện Đ H, tỉnh Kon Tum. Vị trí lô đất tại bản đồ số 3, thửa đất số: 163. Diện tích: 4309,9 m² (Bốn ngàn ba trăm lẻ chín phẩy chín mét vuông). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 339856, số vào sổ cấp GCN: CH 02803 do Ủy ban nhân dân huyện Đ H cấp ngày 24/12/2015 mang tên ông A B và bà Y Y.

Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Thôn 1, xã Ngọc Wang, huyện Đ H, tỉnh Kon Tum. Vị trí lô đất tại bản đồ số 3, thửa đất số: 5. Diện tích: 4246,7 m² (Bốn ngàn hai trăm bốn sáu phẩy bảy mét vuông). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 339855, số vào sổ cấp GCN: CH 02802 do Ủy ban nhân dân huyện Đ H cấp ngày 24/12/2015 mang tên ông A B và bà Y Y.

Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Thôn 1, xã Ngọc Wang, huyện Đ H, tỉnh Kon Tum. Vị trí lô đất tại bản đồ số 3, thửa đất số: 140. Diện tích: 8965,1 m² (Tám ngàn chín trăm sáu mươi lăm phẩy một mét vuông). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 339857, số vào sổ cấp GCN: CH 02804 do Ủy ban nhân dân huyện Đ H cấp ngày 24/12/2015 mang tên ông A B và bà Y Y.

Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Thôn 7B, xã Đăk Ui, huyện Đ H, tỉnh Kon Tum. Vị trí lô đất tại bản đồ số 41, thửa đất số: 534. Diện tích: 3043,5 m² (Ba ngàn không trăm bốn mươi ba phẩy năm mét vuông). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 432782, số vào sổ cấp GCN: CH 02276 do Ủy ban nhân dân huyện Đ H cấp ngày 12/8/2014 mang tên ông A B và bà Y Y.

Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Thôn 7B, xã Đăk Ui, huyện Đ H, tỉnh Kon Tum. Vị trí lô đất tại bản đồ số 41, thửa đất số: 46. Diện tích: 4571,8 m² (Bốn ngàn năm trăm bảy mươi một phẩy tám mét vuông). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 432781, số vào sổ cấp GCN: CH 02275

do Ủy ban nhân dân huyện Đ H cấp ngày 12/8/2014 mang tên ông A B và bà Y Y.

Quyền sử dụng đất tại Thôn 7, xã Đăk Ui, huyện Đ H, tỉnh Kon Tum. Vị trí lô đất tại bản đồ số 27, thửa đất số: 37. Diện tích: 9704 m² (Chín ngàn bảy trăm lẻ bốn mét vuông). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 482069, số vào sổ cấp GCN: 00664 QSDĐ/QDD/UBH do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ H cấp ngày 02/12/1998 mang tên ông A B và bà Y Y. (Đăng ký biến động ngày 18/8/2016; 23/10/2019).

- Về chi phí tố tụng: Ông A B và bà Y Y trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng chẵn*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 12; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông A B và bà Y Y chịu 6.124.161 đồng (*Sáu triệu một trăm hai mươi bốn ngàn một trăm sáu mươi một đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A 5.931.887 đồng (*Năm triệu chín trăm ba mươi một ngàn tám trăm tám mươi bảy đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0005347 ngày 08/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ H, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND H. Đ H;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H. Đ H;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Trọng Hàn